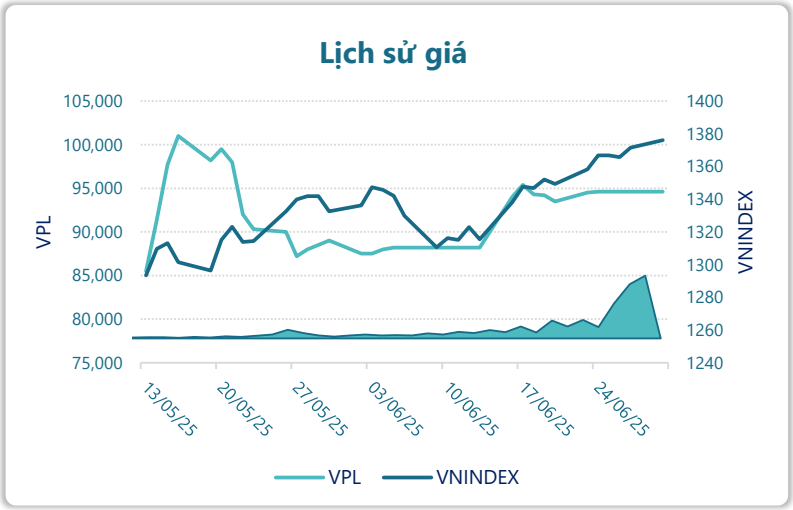
FireAnt

CTCP Vinpearl (HSX: VPL)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**94,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	101,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	85,500
SL cổ phiếu LH	1,793,300,377
KLGD BQ 20 phiên (CP)	94,345
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	169,646
P/E	
EPS	

DT thuần

Q2/25

2,942

tỷ VNĐ

QoQ: ▼29.0| -1.0%

LN sau thuế

Q2/25

168

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 77.6| 86.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

17.0%

#VALUE!

DT thuần

6T 2025

5,912

tỷ VNĐ

LN sau thuế

6T 2025

259

tỷ VNĐ

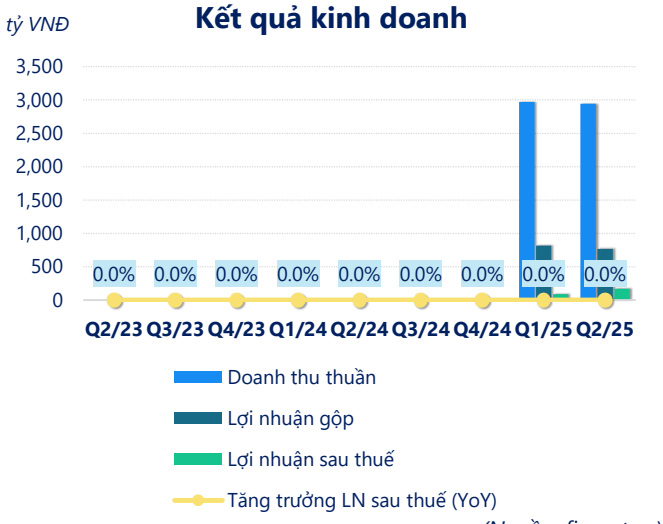
ROE

Q2/25

#VALUE!

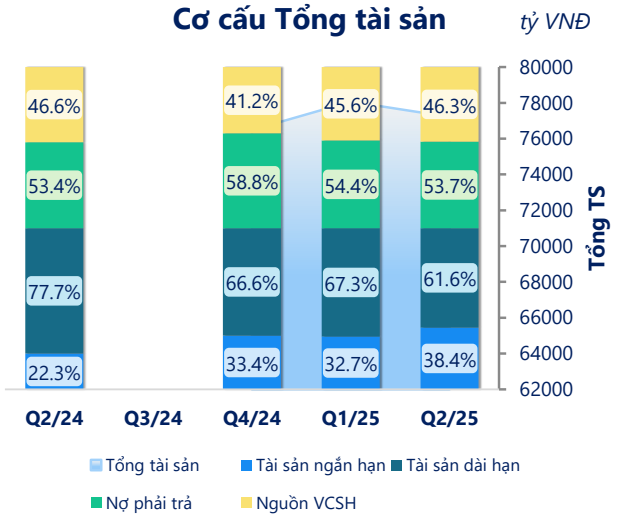
#VALUE!

Kết quả kinh doanh



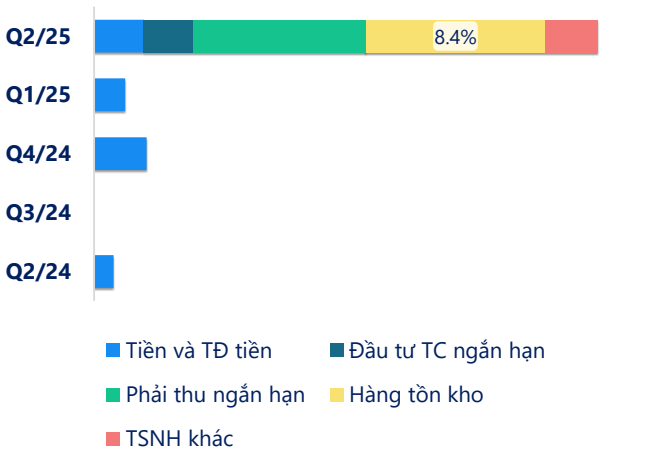
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



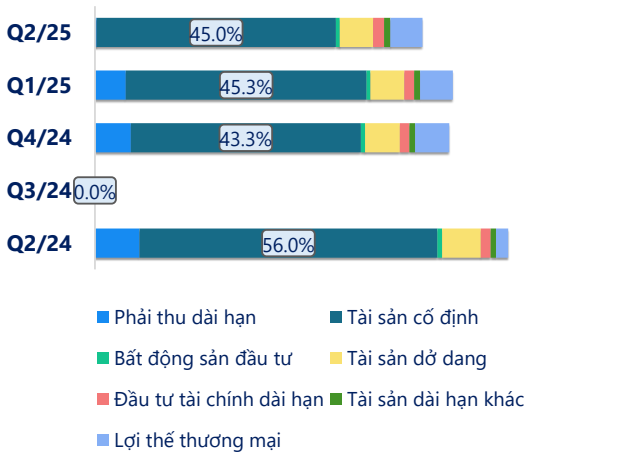
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



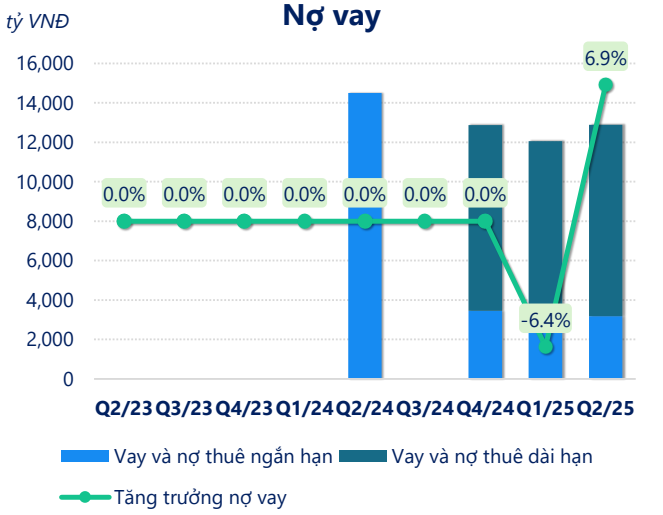
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



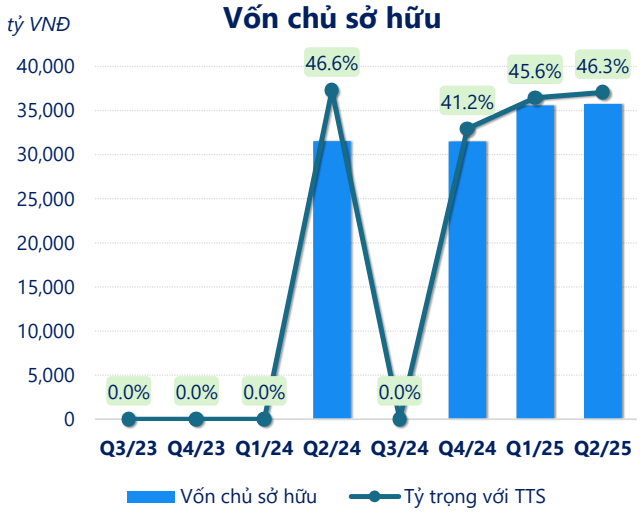
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



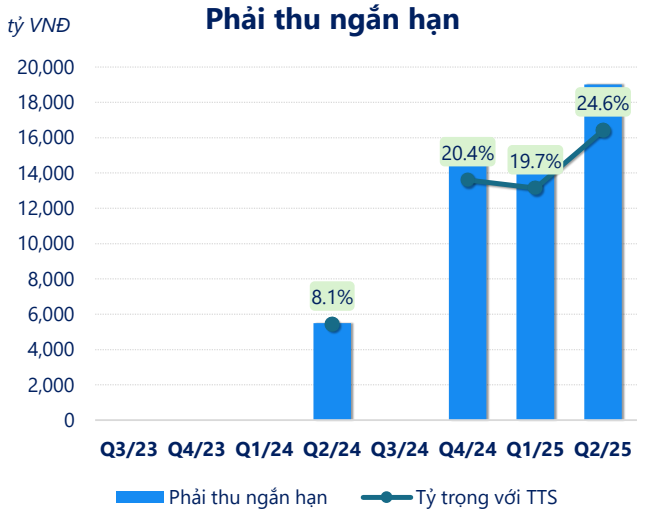
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



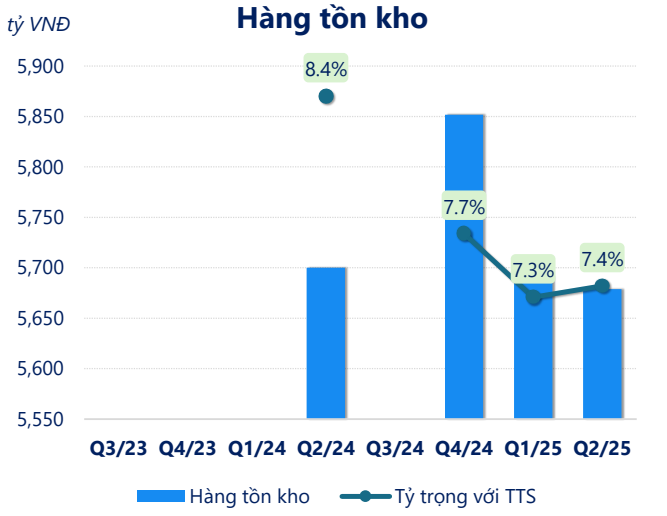
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



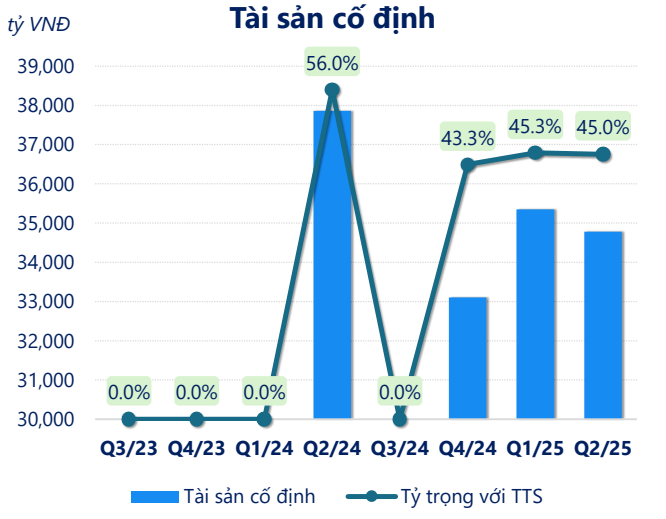
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



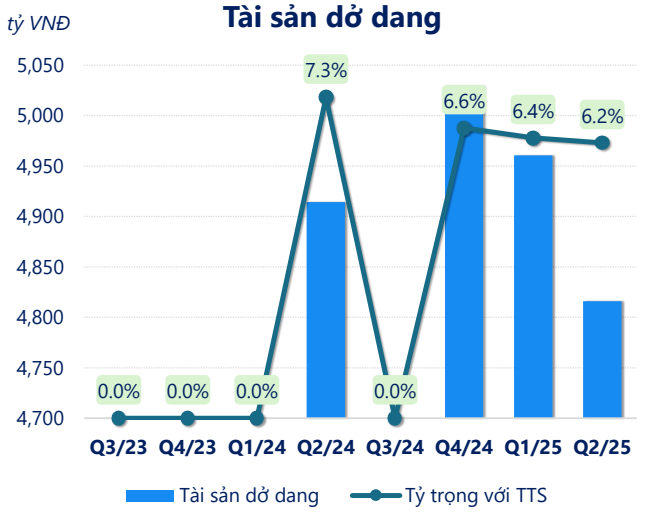
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



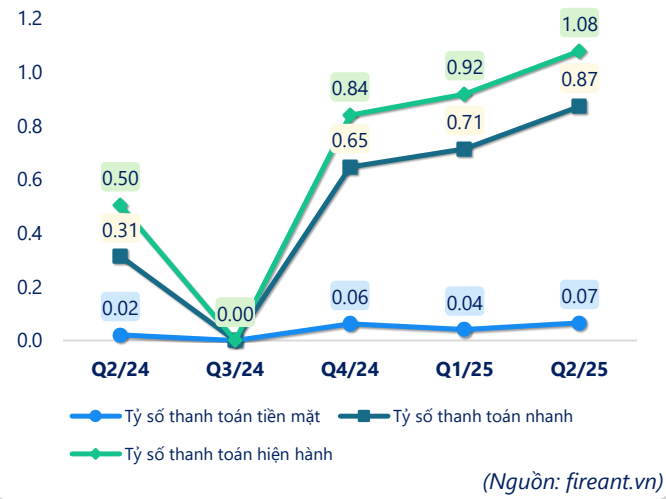
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



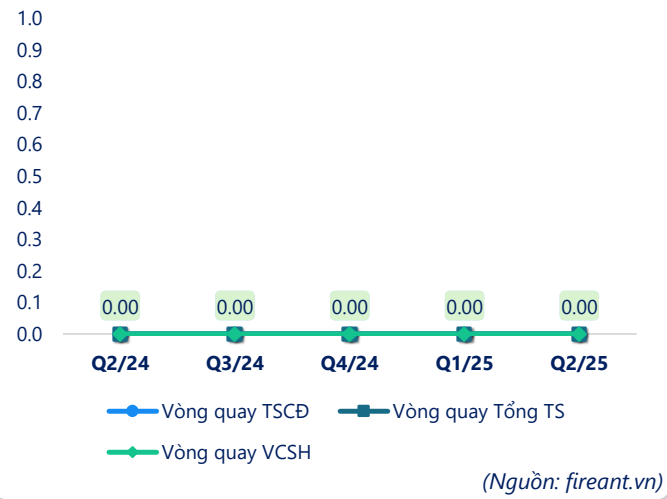
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**67,618**		**76,483**	**78,069**	**77,215**
Tài sản ngắn hạn	**15,055**		**25,507**	**25,538**	**29,647**
Tiền và tương đương tiền	618		1,889	1,142	1,807
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,561		1,561	2,499	2,342
Phải thu ngắn hạn	5,498		15,601	15,389	19,017
Hàng tồn kho	5,700		5,852	5,692	5,679
Tài sản ngắn hạn khác	1,678		604	817	803
Tài sản dài hạn	**52,562**		**50,976**	**52,531**	**47,568**
Phải thu dài hạn	5,672		5,148	4,533	223
Tài sản cố định	37,862		33,101	35,352	34,780
Bất động sản đầu tư	606		580	571	560
Tài sản dở dang	4,914		5,029	4,960	4,816
Đầu tư tài chính dài hạn	1,245		1,366	1,435	1,624
Tài sản dài hạn khác	690		829	890	912
Lợi thế thương mại	1,573		4,923	4,788	4,654
Nợ phải trả	**36,105**		**44,999**	**42,483**	**41,460**
Nợ ngắn hạn	**29,850**		**30,403**	**27,812**	**27,481**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14,507		3,459	2,577	3,176
Phải trả người bán ngắn hạn	2,802		3,202	2,571	2,267
Nợ dài hạn	6,255		14,596	14,671	13,979
Vay và nợ thuê dài hạn	0		9,414	9,478	9,713
Nguồn vốn chủ sở hữu	**31,513**		**31,484**	**35,587**	**35,755**
Vốn chủ sở hữu	**31,513**		**31,484**	**35,587**	**35,755**
Vốn điều lệ	17,232		17,232	17,933	17,933
Kinh phí và quỹ khác	0		0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)